

Bản án số: 28/2017/HSST.

Ngày: 18-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Lê Thị Chiến

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Bà Lê Hồng Nhung

2. Bà Lý Thị Vinh

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Lò Văn Thức – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 18 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2017/HSST ngày 13 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn L; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1966, tại: xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHKT: Bản P, xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: nguyên làm nghề Trồng trọt; trình độ văn hoá: 10/10; con ông Lò Văn S, sinh năm: 1935 và bà Lò Thị Ng, (Đã chết); vợ là Lò Thị T, sinh năm 1969 và có 3 con, lớn nhất 28 tuổi, nhỏ nhất 23 tuổi; tiền sự: Không có; tiền án: Có 01 tiền án, năm 2012, bị TAND huyện TC xử phạt 54 tháng tù giam, về Tội mua bán trái phép chất ma túy và Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (*chưa được xóa án tích*); bắt tạm giam giữ từ ngày 29/7/2017 cho đến nay, có mặt.

2. Lò Văn Ng; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1970, tại: xã BM, huyện ML, tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHKT: Bản H, xã BM, huyện ML, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: nguyên làm nghề trồng trọt; trình độ văn hoá: Không biết chữ; con ông Lò Văn Ch (đã chết) và mẹ: Lò Thị B (đã chết); vợ: Đèo Thị B, sinh năm: 1974 và có 02 con, lớn nhất 26 tuổi, nhỏ nhất 24 tuổi; tiền án, tiền sự: không có; bắt tạm giam giữ từ ngày 28/7/2017 cho đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 19/7/2017, L đang đứng ở trước cửa nhà tại Bản P, xã PT, huyện TC thì thấy Lường Văn C (*con đầu tên Thiêm*), trú tại: Bản P, xã PT, huyện TC đi qua. Khi gặp nhau, C đưa cho L 01 gói Heroin gói bằng nilon màu xanh và 05 viên hồng phiến gói bằng nilon màu trắng trị giá 1.800.000 đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) nhờ L bán hộ và trả tiền cho C sau, L đồng ý. L cầm gói heroin và hồng phiến của C đưa, rồi đi về nhà. Đến nhà, L chôn gói heroin xuống nền đất dưới sân nhà, còn 05 viên hồng phiến L lấy ra 02 viên để sử dụng, 03 viên hồng phiến còn lại L gói lại rồi cất vào túi áo đằng trước bên trái L đang mặc để sử dụng dần. Đến sáng ngày 20/7/2017, L lấy 02 viên hồng phiến ra sử dụng tiếp, còn lại 01 viên hồng phiến L cất vào túi áo đằng trước ngực bên trái treo lên cột nhà phía dưới chân đệm ngủ trong gian buồng ngủ của vợ chồng L. Đến sáng ngày 28/7/2017, L xuống sân nhà lấy gói heroin chôn dưới nền đất san một ít để sử dụng, số heroin trong gói nilon màu xanh L đã gói lại, tiếp tục chôn xuống nền đất. Trong số heroin mà L san ra L đã sử dụng một ít, còn lại một ít L gói lại bằng gói nilon màu xanh cất vào túi quần đằng trước bên phải treo lên cột nhà phía dưới chân đệm ngủ trong gian buồng ngủ của vợ chồng L để sử dụng dần.

Khoảng 09 giờ ngày 28/7/2017, Lò Văn Ng đang ở nhà thì có một người đàn ông tên Ch (*Ng không biết họ, địa chỉ cụ thể*) chỉ biết nhà Ch ở huyện TC, tỉnh Sơn La gọi điện thoại rủ Ng góp tiền đi lên huyện TC mua ma túy về sử dụng, Ng đồng ý, rồi điều khiển xe mô tô, BKS: 26F3 - 7201, sơn màu đỏ - đen, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS lên huyện TC gặp Ch. Khi N đi đến Ngã ba xã Tông Lạnh thì gặp Ch, N đưa cho Chiến số tiền 2.300.000 đ, còn Chiến góp 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*), tổng cộng: 2.500.000 đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Tiếp đó, Chiến bảo N cất xe máy của N vào một quán ven đường, rồi Chiến điều khiển xe mô tô của mình chở N vào nhà Lò Văn L để hỏi mua ma túy. Khoảng 12 giờ cùng ngày, N và Chiến đến nhà L gặp hỏi mua một lượng heroin của L với số tiền 2.500.000 đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), L đồng ý và cầm tiền C đưa, rồi xuống sân nhà lấy gói heroin chôn ở nền đất dưới sân nhà lên đưa cho Chiến, rồi L đi ra phía sau nhà để làm việc. Mua được heroin xong, Ch mở gói heroin san ra một ít cùng N sử dụng ngay tại nhà L, số heroin còn lại Ch san ra thành 2 gói, trong đó: 01 gói to cho N cầm, còn 01 gói nhỏ Chiến lấy. Sau đó, Chiến điều khiển xe mô tô chở N đi về khu vực Ngã ba xã Tông Lạnh để N lấy xe. Một lúc sau, L quay vào nhà thì không thấy Chiến và N nữa. Sau đó, L đi bộ sang nhà Lường Văn C đưa cho C số tiền 1.800.000 đ là tiền của số ma túy mà C nhờ L bán hộ. Sau khi trả tiền cho C, còn lại số tiền 700.000 đ L đã mang theo ra Chợ thị trấn TC để mua chiếu, chảo nấu ăn, thẻ điện thoại, nước uống (*L không nhớ mua ở những quán nào*) hết số tiền 650.000 đ, còn lại số tiền 50.000 đ.

Còn N và Chiến khi xuống đến ngã ba xã Tông Lạnh, N xuống xe vào quán lấy lại xe gửi từ trước, Chiến đi về hướng Thành phố Sơn La. Khi N chuẩn bị điều khiển xe về nhà thì bị Tổ công tác Công an huyện TC đến yêu cầu kiểm tra ma túy, do sợ bị bắt N đã thả gói ma túy từ trên tay phải xuống mặt đường nhưng vẫn bị Tổ công tác phát hiện, thu giữ cùng tang vật. Sau đó, Tổ công tác dẫn giải N về Trụ sở UBND xã Tông Lạnh để lập Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang. Tang vật thu giữ của Lò Văn Ng gồm:

1/ Một gói nilon màu xanh bên trong có chứa bột cục màu trắng nghi là heroin (*theo N khai là heroin*).

2/ Một điện thoại di động, nhãn hiệu Xphone, vỏ màu đen, viền màu da cam, đã qua sử dụng.

3/ Một chiếc xe máy, BKS: 26F3 - 7201, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, sơn màu đỏ - đen, không xác định được số khung, số máy, xe đã qua sử dụng.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/7/2017, tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành bóc mở niêm phong cân tịnh số bột màu trắng thu được của Lò Văn Ng có trọng lượng: 2,18 gam, rút: 0,10 gam ký hiệu N1 gửi giám định chất ma túy, còn lại: 2,08 gam ký hiệu N2 nhập kho vật chứng. Đồng thời, Cơ quan CSĐT Công an huyện TC đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 222/QĐ đề nghị Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định đối với mẫu vật gửi giám định đối với mẫu vật ký hiệu N1. Tại Kết luận giám định số: 791/KLMT ngày 1/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Mẫu giám định ký hiệu N1 là chất ma túy; Loại chất Heroin; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,10 gam. Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 2,18 gam; Loại chất Heroin*” (Mẫu gửi giám định đã sử dụng hết trong quá trình giám định). (BL: 46, 50, 55 - 56 hồ sơ).

Đến khoảng 06 giờ ngày 29/7/2017, L đang ở nhà thì Tổ công tác Công an huyện TC đến thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp và thu giữ một số tang vật. Quá trình điều tra, ngày 30/7/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện TC đã tiến hành cho Lò Văn Ng nhận dạng qua ảnh về người đã bán ma túy cho N. Kết quả nhận dạng hình ảnh, N đã nhận ra Lò Văn L chính là người đã bán ma túy cho N và Chiếu vào ngày 28/7/2017. (BL: 69 - 84, 87 - 111 hồ sơ). Tang vật thu giữ của Lò Văn L gồm:

- 01 gói nilon màu xanh bên trong có chứa chất bột cục màu trắng nghi là heroin;

- 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa 01 viên nén hình trụ tròn màu hồng nghi là ma túy tổng hợp;

- 01 tờ tiền polyme mệnh giá: 50.000 đ (*Năm mươi nghìn đồng*) có số Seri: WM 06471327;

- 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh - vàng - rằn, kích thước 2 x 5 m, trên mặt chiếu có in dòng chữ in hoa màu vàng: “CHIỀU HỐI DỪNG TIẾN THÁI BÌNH”;

- 01 chiếc chảo bằng kim loại, mặt ngoài sơn màu đỏ, mặt trong màu đen, đường kính chiếc chảo rộng 25 cm, cán chảo bọc nhựa dài 18 cm.

(BL: 25 - 28 hồ sơ).

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 29/7/2017, tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành cân tịnh số bột màu trắng trong 01 gói nilon màu xanh có chứa một ít bột cục màu trắng nghi là heroin thu giữ của Lò Văn L có trọng lượng 0,17 gam, rút: 0,05 gam ký hiệu L1 gửi giám định, còn lại: 0,12 gam ký hiệu L2 nhập kho vật chứng và 01 viên nén hình trụ màu hồng nghi là ma túy tổng hợp, có trọng lượng 0,10 gam ký hiệu L3 gửi giám định. Đồng thời, Cơ quan CSĐT Công an huyện TC đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 224, 225/QĐ đề nghị Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định đối với mẫu vật gửi giám định L1, L3 và 01 tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đ (*Năm mươi nghìn đồng*). Tại Kết luận giám định số: 790/KLMT ngày 1/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Mẫu vật gửi giám định ký hiệu L1 là chất ma túy; loại chất heroin. L3 là chất ma túy; Loại chất: Methamphetamin. Trọng lượng của mẫu gửi giám định L1 = 0,05 gam; L3 = 0,10 gam*” (Mẫu gửi giám định đã sử dụng hết

trong quá trình giám định) và Kết luận giám định số: 472/KLGD ngày 3/8/2017 kết luận: 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đ “là tiền thật” (Hoàn lại đối tượng giám định) (BL: 44 - 45, 48 - 49, 51, 57 hồ sơ).

Bản cáo trạng số 167/KSĐT ngày 13/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố bị can Lò Văn L về tội Mua bán trái phép chất ma túy; truy tố bị can Lò Văn Ng về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy cùng theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối bị cáo Lò Văn L về tội Mua bán trái phép chất ma túy; truy tố bị cáo Lò Văn Ng về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn L phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Lò Văn Ng phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn L mức án từ 36 tháng đến 42 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 29/7/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p,q khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; Khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Lò Văn Ng mức án từ 20 tháng đến 24 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 28/7/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS đối với các bị cáo.

Áp dụng Điều 41 BLHS; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 2,08 gam hêrôin, ký hiệu N2, đã niêm phong trong phong bì thư; 0,12 gam hêrôin, ký hiệu L2, đã niêm phong trong phong bì thư; 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh - vàng - rắng, kích thước 2 x 5 m, trên mặt chiếu có in dòng chữ in hoa màu vàng: “CHIẾU HỎI DỪNG TIỀN THÁI BÌNH”; 01 chiếc chảo bằng kim loại, mặt ngoài sơn màu đỏ, mặt trong màu đen, đường kính chiếc chảo rộng 25 cm, cán chảo bọc nhựa dài 18 cm, thu giữ của bị cáo Lò Văn L.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: một điện thoại di động, nhãn hiệu Xphone, imel1: 355608072036172; imel2: 355608072036180, vỏ màu đen, viền màu da cam, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lò Văn Ng; 01 tờ tiền polyme mệnh giá: 50.000 đ (Năm mươi nghìn đồng) có số Seri: WM 06471327 thu giữ của bị cáo Lò Văn L; 01 chiếc xe máy, BKS: 26F3 - 7201, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, sơn màu đỏ - đen, không xác định được số khung, số máy, xe đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lò Văn Ng;

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, lời khai, lời trình bày ý kiến của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án như: biên bản hỏi cung bị can; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ, niêm phong, mở niêm phong vật chứng của vụ án để lấy mẫu giám định; kết luận giám định.

Lời nói sau cùng: bị cáo Lò Văn L nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Lò Văn Ng nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay các bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm, rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TC Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi Mua bán trái phép 2,38 gam hê rôn in sau khi quy đổi của bị cáo Lò Văn L nhằm mục đích bán kiếm lời; hành vi Tàng trữ trái phép 2,18 gam hê rôn in của bị cáo Lò Văn L nhằm mục đích sử dụng cho bản thân là vi phạm pháp luật. Bởi, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi mua, bán và tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo Lò Văn L đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, hành vi của bị cáo Lò Văn Ng đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 như quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC.

Tại Điều 194 BLHS 1999 quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm ”.

Tuy Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nhưng mức hình phạt đối với tội Tàng trữ trái phép ma túy thấp hơn, có lợi hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999, cụ thể

Tại Điều 249 BLHS 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

c) Hêrôn, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Theo Nghị quyết 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 đối với bị cáo Lò Văn Ng để xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo, tạo cơ hội cho bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội và an ninh địa phương. Do đó cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 có mức hình phạt từ 01 đến 05 năm đối với các bị cáo.

[4] Xét vị trí vai trò của các đồng phạm thấy: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn bởi các bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Xét nhân thân các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự để nhận biết rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh với tệ nạn ma túy. Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS đối với các bị cáo; riêng bị cáo Lò Văn Ng sau khi bị bắt đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra mở rộng vụ án nên cần áp dụng điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS; bị cáo Lò Văn L có bố là Lò Văn S được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

[7] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lò Văn Ng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo Lò Văn L có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS bởi: năm 2012, bị TAND huyện TC xử phạt 54 tháng tù giam, về Tội mua bán trái phép chất ma túy và Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội.

[8] Về vật chứng: Áp dụng Điều 41, 42 BLHS; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự nhận thấy:

Đối với: 2,08 gam kê rô in, ký hiệu N2, đã niêm phong trong phong bì thư; 0,12 gam kê rô in, ký hiệu L2, đã niêm phong trong phong bì thư là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh - vàng - rằn, kích thước 2 x 5 m, trên mặt chiếu có in dòng chữ in hoa màu vàng: “CHIẾU HỐI DỪNG TIẾN THÁI BÌNH”; 01 chiếc chảo bằng kim loại, mặt ngoài sơn màu đỏ, mặt trong màu đen,

đường kính chiếc chảo rộng 25 cm, cán chảo bọc nhựa dài 18 cm, thu giữ của bị cáo Lò Văn L là tài sản vật có được từ việc bán trái phép chất ma túy và còn ít giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy

Đối với: một điện thoại di động, nhãn hiệu Xphone, vỏ màu đen, viền màu da cam, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lò Văn Ng; 01 tờ tiền polyme mệnh giá: 50.000 đ (*Năm mươi nghìn đồng*) có số Seri: WM 06471327 thu giữ của bị cáo Lò Văn L là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe máy, BKS: 26F3 - 7201, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, sơn màu đỏ - đen, không xác định được số khung, số máy, xe đã qua sử dụng, là tài sản của bị cáo N, bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện vào việc phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về nguồn gốc heroin, Lò Văn L khai đối tượng Lường Văn C (*có con đầu tên Th*), trú tại: Bản Púng Lọng, xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La là người đã nhờ L bán hộ một lượng ma túy với giá 1.800.000 đ. Cơ quan CSĐT Công an huyện TC đã tiến hành xác minh, triệu tập nhưng C không có mặt tại nơi cư trú, gia đình và chính quyền địa phương không biết C đi đâu, làm gì, cơ quan điều tra không có căn cứ mở rộng điều tra vụ án, cần chấp nhận. (*BL: 124 - 126 hồ sơ*).

Đối với đối tượng Chiến theo lời khai của Lò Văn Ng thì Chiến là người rủ N góp tiền để mua ma túy về để cùng nhau sử dụng. Quá trình điều tra, do N không biết họ, tuổi, địa chỉ cụ thể của Chiến nên Cơ quan CSĐT Công an huyện TC không có đủ căn cứ điều tra, xác minh đối với Chiến, cần chấp nhận.

Đối với hành vi N và Chiến tự ý sử dụng ma túy ngay tại nhà ở thuộc quyền chiếm hữu, sở hữu, quản lý của L thì L không biết. Bởi lúc N và Chiến sử dụng ma túy thì không hỏi ý kiến của L, L không ở trên nhà vì trước đó L đã đi làm việc ở phía sau nhà. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện TC không có đủ căn cứ để xử lý L về Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, cần chấp nhận.

[10] Bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ bị cáo trong hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự.

[11] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, 234 BLHS năm 1999 báo cho các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn L phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Lò Văn Ng phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Lò Văn L 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 29/7/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p,q khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; Khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Lò Văn Ng 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 28/7/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ bị cáo trong hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 2,08 gam hê rô in, ký hiệu N2, đã niêm phong trong phong bì thư; 0,12 gam hê rô in, ký hiệu L2, đã niêm phong trong phong bì thư; 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh - vàng - rằn, kích thước 2 x 5 m, trên mặt chiếu có in dòng chữ in hoa màu vàng: “CHIỀU HỐI DỪNG TIẾN THÁI BÌNH”; 01 chiếc chảo bằng kim loại, mặt ngoài sơn màu đỏ, mặt trong màu đen, đường kính chiếc chảo rộng 25 cm, cán chảo bọc nhựa dài 18 cm, thu giữ của bị cáo Lò Văn L

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: một điện thoại di động, nhãn hiệu Xphone, imel1: 355608072036172; imel2: 355608072036180, vỏ màu đen, viền màu da cam, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lò Văn Ng; 01 tờ tiền polyme mệnh giá: 50.000 đ (*Năm mươi nghìn đồng*) có số Seri: WM 06471327 thu giữ của bị cáo Lò Văn L; 01 chiếc xe máy, BKS: 26F3 - 7201, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, sơn màu đỏ - đen, không xác định được số khung, số máy, xe đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lò Văn Ng.

4. Án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Quyền kháng cáo

Áp dụng Điều 231, 234 BLHS năm 1999 báo cho các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La
- CA huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã BM, huyện ML ;
- UBND xã PT, huyện TC
- Các bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Chiến